TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Huỳnh Minh T**, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A đường D, phường V (trước đây là phường X, Quận T), thành phố Huế.

Bị đơn: **Anh Trần Vũ H,** sinh năm 1996; địa chỉ: Số A đường D, phường P (trước đây là phường X, Quận T), thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Huỳnh Minh T và anh Trần Vũ H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh Minh T và anh Trần Vũ H có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 21/3/2020 và Trần Uy V, sinh ngày 09/3/2024. Hiện nay, cháu Anh Đ và Uy V đang ở cùng với chị T.

Giao 02 cháu Trần Nguyễn Anh Đ và Trần Uy V cho chị Nguyễn Huỳnh Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng

thành (Đủ 18 tuổi); Anh Trần Vũ H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị T và anh H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị T và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh Minh T chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000891 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Th, thành phố Huế (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Huế). Hoàn trả cho chị Nguyễn Huỳnh Minh T số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố H;
- UBND phường V;
(ĐKKH số 05 ngày 27/01/2022 Tại UBND phường X cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh